

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHU VĂN AN**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ 1 - MÔN ĐỊA LÍ 9**

*NĂM HỌC 2022 – 2023*

**A. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1: Lúa gạo là cây lương thực chính của nước ta là vì:

- A. Có nhiều lao động tham gia sản xuất
- B. Khí hậu và địa chất phù hợp để trồng
- C. Năng suất cao, người dân quen dùng
- D. Tất cả các ý trên đều đúng

Câu 2: Gạo là mặt hàng nông sản xuất khẩu mà nước ta đang:

- A. Dẫn đầu thế giới
- B. Xếp thứ hai thế giới
- C. Xếp thứ tư thế giới
- D. Xếp thứ năm thế giới

Câu 3: Các loại cây công nghiệp lâu năm như cao su, hồ tiêu, điều được trồng nhiều ở đâu?

- A. Đông Nam Bộ
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ
- C. Tây Nguyên
- D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 4: Ý nghĩa của việc đẩy mạnh trồng cây công nghiệp ở nước ta là:

- A. Tạo ra các sản phẩm có giá trị xuất khẩu.
- B. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến
- C. Phá thế độc canh trong công nghiệp
- D. Tất cả các ý trên đều đúng

Câu 5: Nước ta gồm những loại rừng:

- A. Rừng sản xuất, rừng sinh thái và rừng phòng hộ
- B. Rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh và rừng đặc dụng
- C. Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất
- D. Rừng sản xuất, rừng quốc gia và rừng phòng hộ

Câu 6: Các khu rừng đầu nguồn, các cánh rừng chắn cát bay ven biển,... thuộc loại rừng:

- A. Rừng sản xuất
- B. Rừng đặc dụng
- C. Rừng nguyên sinh
- D. Rừng phòng hộ

Câu 16: Loại hình bưu chính viễn thông nào phát triển nhanh nhất hiện nay?

- A. Điện thoại cố định
- B. Điện thoại di động
- C. Internet
- D. Truyền hình cáp

Câu 17: Hai trung tâm thương mại, dịch vụ lớn và đa dạng nhất nước ta là:

- A. Hà Nội, Hải Phòng
- B. Hà Nội, Đà Nẵng
- C. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh
- D. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh

Câu 18: Ý nghĩa xã hội của hoạt động ngoại thương là:

- A. Giải quyết đầu ra cho sản phẩm
- B. Mở rộng sản xuất với chất lượng cao
- C. Cải thiện đời sống nhân dân
- D. Đổi mới công nghệ

Câu 19: Ngành công nghiệp quan trọng nhất của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay là:

- A. Khai khoáng, thủy điện
- B. Cơ khí, điện tử
- C. Hoá chất, chế biến lâm sản
- D. Vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng.

Câu 20: Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

- A. Đền Hùng
- B. Tam Đảo
- C. Sa Pa
- D. Vịnh Hạ Long

Câu 21: Nhóm cây công nghiệp nào sau đây được trồng nhiều tại Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Chè, cao su, cà phê
- B. Cà phê, hồ tiêu, cao su
- C. Chè, quế, hồi
- D. Bông, đay, chè

Câu 7: Trên lãnh thổ nước ta, cá và tôm nước ngọt được nuôi chủ yếu ở:

- A. Vùng biển ven các đảo
- B. Bãi triều, đầm phá ven biển
- C. Sông, suối, ao, hồ
- D. Vũng, vịnh, vùng cửa sông

Câu 8: Ở nước ta, vùng có điều kiện thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước mặn là:

- A. Vùng biển ven các đảo, vũng vịnh
- B. Bãi triều, đầm phá ven biển
- C. Sông, suối, ao, hồ
- D. Khu vực rừng ngập mặn

Câu 9: Ngành công nghiệp năng lượng phát triển mạnh nhất ở Quảng Ninh là:

- A. Khai thác than
- B. Hoá dầu
- C. Nhiệt điện
- D. Thủy điện

Câu 10: Nhà máy thủy điện lớn nhất nước ta hiện nay là nhà máy thủy điện:

- A. Thái Bình
- B. Hòa Bình
- C. Ninh Bình
- D. Quảng Bình

Câu 11: Hệ thống công nghiệp của nước ta hiện nay gồm có:

- A. Các trung tâm công nghiệp có quy mô rất lớn, lớn, trung bình và nhỏ
- B. Các cơ sở nhà nước, ngoài nhà nước và các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài
- C. Các cơ sở chế biến, các nhà máy, khu công nghiệp, khu chế xuất
- D. Có nhiều ngành công nghiệp trọng điểm, các ngành xuất khẩu chủ lực

Câu 12: Đặc điểm không phải của ngành công nghiệp trọng điểm là:

- A. Chiếm tỉ trọng thấp trong cơ cấu công nghiệp
- B. Có thể mạnh phát triển lâu dài
- C. Đem lại hiệu quả kinh tế cao
- D. Có tác động mạnh đến sự phát triển các ngành kinh tế khác

Câu 22: Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

- A. Việt Trì, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hạ Long
- B. Lào Cai, Hòa Bình, Điện Biên, Hà Giang
- C. Yên Bái, Tuyên Quang, Sơn La, Bắc Kạn
- D. Móng Cái, Bắc Giang, Thác Bà, Lai Châu

Câu 23: Về mặt tự nhiên Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là:

- A. Chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình
- B. Chịu tác động rất lớn của biển
- C. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ
- D. Chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn

Câu 24: Về mùa đông khu vực Đông Bắc lạnh hơn Tây Bắc là do:

- A. Tây Bắc cao hơn
- B. Tây Bắc xa khối không khí lạnh hơn
- C. Đông Bắc trực tiếp chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc lạnh
- D. Đông Bắc ven biển

Câu 25: Tài nguyên quý giá nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng là:

- A. Đất feralit
- B. Đất phù sa sông Hồng
- C. Than nâu và đá vôi
- D. Đất xám, đất mặn

Câu 26: Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống:

- A. Sông Hồng và sông Thái Bình
- B. Sông Hồng và sông Đà
- C. Sông Hồng và sông Cầu
- D. Sông Hồng và sông Lục Nam

Câu 27: Hai trung tâm công nghiệp hàng đầu ở Đồng bằng Sông Hồng là:

- A. Hà Nội và Vĩnh Yên
- B. Hà Nội và Hải Dương
- C. Hà Nội và Hải Phòng
- D. Hà Nội và Nam Định

Câu 13: Sự phân bố của dịch vụ phụ thuộc nhiều yếu tố, nhưng quan trọng nhất là:

- A. Địa hình
- B. Sự phân bố công nghiệp
- C. Sự phân bố dân cư
- D. Khí hậu

Câu 14: Một bác sĩ mở phòng mạch tư thuộc loại hình dịch vụ nào?

- A. Dịch vụ sản xuất
- B. Dịch vụ tiêu dùng
- C. Dịch vụ công cộng
- D. Không thuộc loại hình nào

Câu 15: Quốc lộ 1A là quốc lộ:

- A. Chạy từ Lạng Sơn đến Cà Mau
- B. Chạy từ Lạng Sơn đến TP. Hồ Chí Minh
- C. Chạy từ Hà Giang đến Cà Mau
- D. Chạy từ Hà Giang đến Hà Nội

Câu 28: Nhận định nào sau đây không đúng với Đồng bằng Sông Hồng?

- A. Mật độ dân số cao nhất
- B. Năng suất lúa cao nhất
- C. Đồng bằng có diện tích lớn nhất
- D. Dân số đông nhất

Câu 29: Thế mạnh về tự nhiên tạo cho vùng Đồng bằng Sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là:

- A. Đất phù sa màu mỡ
- B. Nguồn nước mặt phong phú
- C. Có một mùa đông lạnh
- D. Địa hình bằng phẳng

Câu 30: Ngành công nghiệp trọng điểm không phải của Đồng bằng Sông Hồng là:

- A. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm
- B. Công nghiệp khai khoáng
- C. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng
- D. Công nghiệp cơ khí và sản xuất vật liệu xây dựng

## B. TỰ LUẬN

### 1. Đặc điểm phát triển ngành du lịch ở Việt Nam.

- Đem lại nguồn thu nhập lớn, góp phần mở rộng giao lưu giữa nước ta với các nước trên thế giới và cải thiện đời sống nhân dân.
- Việt Nam giàu tài nguyên du lịch:
  - + Du lịch tự nhiên: phong cảnh, bãi tắm đẹp, khí hậu tốt, có nhiều vườn quốc gia với các động thực vật quý hiếm, ...
  - + Du lịch văn nhân: các công trình kiến trúc, di tích lịch sử, lễ hội truyền thống, các làng nghề truyền thống, văn hoá dân gian,...
- Nhiều địa điểm du lịch nổi tiếng đã được công nhận là di sản thế giới như: vịnh Hạ Long, Động Phong Nha, Cố đô Huế, Di tích Mỹ Sơn, Phố cổ Hội An.

### 2. Ý nghĩa của vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ đối với việc phát triển KT – XH của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Vị trí địa lí: ở phía Bắc đất nước; phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào, phía Đông Nam giáp biển, phía Nam giáp vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Bắc Trung Bộ.
- Lãnh thổ: có phần đất liền rộng lớn và vùng biển giàu tiềm năng.
  - + Chiếm 1/3 diện tích lãnh thổ cả nước.
  - + Có đường bờ biển dài.
- Ý nghĩa: dễ giao lưu trong nước và với nước ngoài.

### **3. Những thuận lợi, khó khăn của dân cư đối với việc phát triển KT – XH của vùng Đồng bằng sông Hồng.**

- Đặc điểm: dân số đông, mật độ dân số cao nhất nước.
- Thuận lợi:
  - + Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.
  - + Người lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, có chuyên môn kỹ thuật.
  - + Kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất cả nước.
  - + Có một số đô thị được hình thành từ lâu đời (Hà Nội và Hải Phòng).
- Khó khăn:
  - + Sức ép của dân số đông đối với phát triển KT – XH.
  - + Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.

### **4. Sự khác biệt trong cư trú và hoạt động kinh tế của dân cư vùng Bắc Trung Bộ.**

- Người Kinh:
  - + Cư trú ở đồng bằng, ven biển phía Đông.
  - + Sản xuất lương thực, cây công nghiệp hằng năm.
  - + Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.
  - + Hoạt động trong công nghiệp, thương mại, dịch vụ.
- Các dân tộc ít người:
  - + Gồm các dân tộc: Thái, Mường, Tày, Mông, Bru - Vân Kiều,...
  - + Cư trú ở vùng đồi núi phía Tây.
  - + Hoạt động nông, lâm nghiệp: trồng rừng, cây công nghiệp lâu năm, canh tác trên nương rẫy, chăn nuôi trâu bò đàn.

### **5. Vẽ biểu đồ cột về sự phát triển kinh tế của một trong những vùng kinh tế ở nước ta.**

**HẾT**